**Tuần 5**

**Tiết PPCT: 17, 18**

**Phân môn: Số & Đại số**

**Tuần 5, 6**

**Tiết PPCT: 1, 2, 3**

**Phân môn: Hình học**

**CHƯƠNG 3: CÁC HÌNH PHẲNG TRONG THỰC TIỄN**

# BÀI 1: HÌNH VUÔNG - TAM GIÁC ĐỀU - LỤC GIÁC ĐỀU ( 3 tiết )

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.

- Mô tả một số yếu tố cơ bản( cạnh, góc, đường chéo) của tam giác đều ( ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông( bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều 9 sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nahu, ba đường chéo chính bằng nhau).

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Vẽ được hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.

+ Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt

+ Nghiên cứu kĩ bài học và phương pháp dạy học phù hợp.

+ Chuẩn bị một số vật liệu phục vụ hoạt động trải nghiệm: giấy A4, kéo cắt giấy, tranh ảnh trong bài,..

+ Sưu tầm các hình ảnh thực tế, video minh họa liên quan đến bài học, các thiết bị dạy học phục vụ hình thành và phát triển năng lực HS.

**2 - HS** :

+ Đồ dùng học tập: bút, bộ êke ( thước thẳng, thước đo góc, êke), bút chì, tẩy...

+ Giấy A4, kéo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo tình huống vào bài học từ hình ảnh thực tế, ứng dụng thực tế từ các hình trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh.

**c) Sản phẩm:** HS nhận dạng được một số hình và tìm được các hình ảnh trong thực tế liên quan đến hình đó.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu hình ảnh, video về các ứng dụng thực tế của các hình trong bài “ Nền nhà”, “Các bức tường ốp bằng gạch có hình tam giác đều, hình lục giác đều, hình vuông” và đặt câu hỏi: Các em có biết các viên gạch men dạng hình gì?”

![CẬP NHẬT] Bảng giá gạch lát nền mới nhất, Đủ kích thước]() 

- GV đặt câu hỏi: “Các em còn gặp các hình này ở những đồ vật, hình ảnh nào trong thực tế đời sống?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi và tìm được một số hình ảnh trong thực tế liên quan đến các hình.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đặt vấn đề và dẫn dắt HS vào bài học mới: “Hình vuông, hình tam giác đều, hình thoi,.. là các hình phẳng quen thuộc trong thực tế. Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu các đặc điểm cơ bản của các hình” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hình vuông**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết hình vuông trong thực tế. Mô tả được đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình vuông.

- HS vẽ được hình vuông có độ dài cạnh cho trước.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần ***Thực hành, Vận dụng.***

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn, cho HS trao đổi và hoàn thành **HĐKP1.**- GV lưu ý HS cách đo góc, đo độ dài cạnh.- GV cho HS rút ra nhận xét về các đặc điểm của hình vuông, độ dài bốn cạnh, độ lớn bốn góc và độ dài hai đường chéo của hình vuông.- GV chốt lại các đặc điểm hình vuông.- GV yêu cầu 1, 2 HS phát biểu lại các đặc điểm của hình vuông như trong SGK ( tr75).- GV yêu cầu HS thực hiện **Thực hành 1**.( GV có thể hướng dẫn HS dùng Compa để kiểm chứng độ dài bằng nhau của hai đường chéo, từ đó HS tập dùng compa để so sánh độ dài hai đoạn thẳng).- GV cho HS rút ra nhận xét về độ dài hai đường chéo.- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi hoàn thành **Vận dụng 1.**- GV hướng dẫn cho HS các bước vẽ hình vuông theo các bước ở phần *Thực hành 2* và cho HS thực hành vẽ hình vuông (GV lưu ý HS thực hành vẽ và cho HS kiểm tra chéo sau khi vẽ, xem các cạnh, các góc có bằng nhau không).+ GV trình chiếu PPT hướng dẫn HS cách vẽ hình vuông trên màn chiếu theo các bước đã hướng dẫn cho HS dễ hình dung và biết cách vẽ.- GV yêu cầu HS thực hành, luyện tập tự vẽ hình vuông bằng cách hoàn thành **Thực hành 3** vào vở.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS chú ý và hoàn thành các yêu cầu của GV- GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** **-** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu, giơ tay phát biểu.- GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả.**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. |  **1. Hình vuông****HĐKP1:**a) Hình **c)** là hình vuông.b) Sau khi dùng thước êke kiểm tra thì thấy các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau.Hình vuông ABCD ( Hình 2) có:- Bốn **đỉnh**: A, B, C, D- Bốn **cạnh** bằng nhau: AB = BC = CD = DACác đường chéo: AC, BD.- Bốn **góc** bằng nhau và bằng góc vuông.- Hai **đường chéo** là AC và BD.**Thực hành 1:**Sau khi kiểm tra thì ta nhận thấy hai đường chéo AC và BD bằng nhau.=> Hai **đường chéo** của hình vuông bằng nhau.**Vận dụng 1:**Bạn Trang nói như vậy là **sai**.Bởi vì sau khi kiểm tra, ta thấy rằng các cạnh của hình 3 bằng nhau nhưng các góc lại không bằng nhau, một của hình không hải là góc vuông.**Thực hành 2: Vẽ hình vuông***Vẽ hình vuông ABCD cạnh 4cm bằng thước và ê ke:*+ Bước 1: Vẽ đoạn thẳng CD = 4cm.+ Bước 2: Vẽ hai đường thẳng vuông góc với CD tại C và D như hình vẽ trong SGK (tr 76). + Bước 3: Nối hai điểm A và B ta được hình vuông cần vẽ.=> Ta được **hình vuông ABCD.**ABCD4cm**Thực hành 3:** |

**Hoạt động 2: Hình tam giác đều**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được tam giác đều.

- HS mô tả được đỉnh, cạnh , góc của tam giác đều.

- HS nhận biết được sự bằng nhau của các góc, các cạnh của tam giác đều.

- HS biết vẽ tam giác đều với độ dài cạnh cho trước.

- HS biết cắt hình tam giác.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần *Thực hành*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV hướng dẫn và cho HS hoàn thành **HĐKP2:**+ GVhướng dẫn lại HS cách kiểm tra độ dài 3 cạnh có bằng nhau hay không bằng Compa.+ GV lưu ý HS cách kiểm tra số đo góc bằng thước đo góc.- GV dẫn dắt, cho HS rút ra nhận xét về đặc điểm của tam giác đều, độ dài ba cạnh, độ lớn ba góc của tam giác đều.- GV yêu cầu 1 số HS phát biểu lại đặc điểm tam giác đều như trong SGK ( tr77).- GV hướng dẫn HS cách cắt tam giác đều theo các bước đã hướng dẫn phần **Thực hành 4** và sau đó cho HS thực hành cắt tam giác đều:+ Lấy ba que tính bằng nhau xếp thành một hình tam giác đều trên tấm bìa.+ Chấm các điểm ở đầu các que tính.+ Nối các điểm và cắt theo đường nối.Cắt các góc của hình tam giác trên và làm theo hướng dẫn sau để kiểm tra xem các góc của chúng có bằng nhau không?- GV hướng dẫn HS vẽ tam giác đều theo các bước đã hướng dẫn phần Thực hành 5: *Vẽ tam giác đều ABC cạnh 3 cm****:***+ Vẽ đoạn thẳng AB = 3cm.+ Lấy A, B làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 3cm.Gọi C là một trong hai giao điểm của hai đường tròn. Nối C với A và C với B, ta được **tam giác đều ABC**.- GV cho HS hoạt động cá nhân vẽ hình và tô màu như hình bài **Vận dụng 2.****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV- GV: quan sát và trợ giúp HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay trình bày, hoàn thành vở.- GV nhận xét, sửa sai và lưu ý một số lỗi cho HS. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các đặc điểm của tam giác đều, cách vẽ tam giác đều và cho HS nêu lại các bước vẽ một tam giác đều. | **2. Tam giác đều****HĐKP2:**a) Sau khi dùng compa kiểm tra thì ta thấy tam giác ABC có 3 cạnh bằng nhau.b) Sau khi dùng compa kiểm tra thì ta thấy tam giác ABC cũng có 3 góc bằng nhau.Tam giác ABC ( Hình 5) có :**-** Ba **đỉnh**: A, B, C ; - Ba **cạnh** bằng nhau: AB = = AC = BC. - Ba **góc** đỉnh A, B, C bằng nhau.- Tam giác ABC như thế được gọi là **tam giác đều**.**Thực hành 4:**( HS thực hành cắt dưới sự hướng dẫn của GV. Sau khi cắt, )**Thực hành 5: Vẽ tam giác đều.***Vẽ tam giác đều ABC cạnh 3cm bằng thước và compa.***Vận dụng 2:** |

**Hoạt động 3: Hình lục giác đều**

**a) Mục tiêu:**

- HS mô tả được một số yếu tố của hình lục giác đều.

- HS tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.

- HS mô tả được một số yếu tố cơ bản của hình lục giác đều.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV hướng dẫn và cho HS hoạt động nhóm 4 thực hiện **HĐKP3.**- GV cho HS quan sát Hình 7 trong SGK, dẫn dắt và cho HS rút ra nhận xét về đặc điểm lục giác đều, độ dài các cạnh, các góc và các đường chéo của lục giác đều. - GV cho một vài HS phát biểu lại các đặc điểm của lục giác đều như trong SGK và ghi vở.- GV hướng dẫn và yêu cầu HS thực hiện **Thực hành 6** và rút ra nhận xét về ba đường chéo chính.- GV cho HS trao đổi, thảo luận nhóm **Vận dụng 3.**- GV yêu cầu HS đọc hiểu phần “ EM có biết” để biết thêm về bàn cờ vua lục giác.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV.- GV: quan sát và trợ giúp HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - HS: Lắng nghe, ghi chú, giơ tay phát biểu- Các HS nhận xét, bổ sung cho nhau. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các đặc điểm của hình lục giác đều. | **3. Hình lục giác đều****HĐKP3:**a) HS ghép các tam giác đều theo hướng dẫn để được hình 6. b) **Nhận xét:**Các góc và các cạnh của tam giác đều bằng nhau.Xét hình ABCDEF ( Hình 7) có:- Sáu **đỉnh** A, B, C, D, E, F.- Sáu **cạnh** bằng nhau.- Sáu **góc** đỉnh A, B, C, D, E, F bằng nhau.- Ba **đường chéo chính** là AD, BE, CF.Hình ABCDEF như thế được gọi là hình **lục giác đều**.AB = BC = CD = ĐE = EF = FA**Thực hành 6:**Sau khi dùng thước đo thì ta thấy các đường chéo chính AD, BE, CF có độ dài bằng nhau.=> Trong hình lục giác đều ba **đường chéo chính** bằng nhau.**Vận dụng 3:**Bạn Bình **đúng**.Bởi vì: Nếu hình có sáu cạnh có chiều dài bằng nhau, nó được gọi là một hình lục giác sáu cạnh đều. Chỉ khi tất cả các góc có cùng kích thước, và các cạnh bằng nhau, mới gọi là lục giác đều. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **bài****1, 2, 3, 4, 5 ( SGK – tr79)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vở, giơ tay trình bày miệng.*

**Bài 1 :**



Hình vuông: **b)** Hình tam giác đều: **c)** Hình lục giác đều: **g)**

**Bài 2 :**

*Vẽ hình vuông ABCD cạnh 7cm bằng thước và ê ke:*

+ Bước 1: Vẽ đoạn thẳng CD = 7cm.

+ Bước 2: Vẽ hai đường thẳng vuông góc với CD tại C và D .

+ Bước 3: Nối hai điểm A và B ta được hình vuông cần vẽ.

=> Ta được **hình vuông ABCD.**

A

B

C

D

7cm

**Bài 3:**



Sau khi dùng thước êke kiểm tra thì là thấy các cạnh và các góc của hình MNPQ bằng nhau. Nên hình MNPQ là hình vuông.

**Bài 4:**

*Vẽ tam giác đều ABC cạnh 4 cm****:***

+ Vẽ đoạn thẳng AB = 4cm.

+ Lấy A, B làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 4cm.

Gọi C là một trong hai giao điểm của hai đường tròn. Nối C với A và C với B, ta được **tam giác đều ABC**.



**Bài 5:**



Tam giác ABC là tam giác đều. Bởi vì có các cạnh và các góc bằng nhau.

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b) Nội dung:** GV hỏi, HS đáp.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV chia HS thành nhóm 6 người, dưới sự hướng dẫn của GV, các nhóm trao đổi và hoàn thành bài tập* ***bài 6***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận nhóm và thực hành vẽ, cắt, ghép.*

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 7.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, hoàn thành vở.*

**Bài 7 :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Biển báo |  |  |  |
| Hình dạng | Hình tam giác đều | Hình chữ nhật | Hình vuông |
| Ý nghĩa | Bảo người trước sắp tới phần đường người đi bộ cắt ngang. | Đường cao tốc | Bắt đầu đường ưu tiên. |

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Luyện vẽ tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.

- Hoàn thành bài tập 6 ( SBT –tr 67) và nộp sản phẩm bao thư vào tiết học sau.

- Tìm hiểu và đọc trước “**Bài 2: Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân”.** và sưu tầm đồ vật, tranh ảnh về hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân theo tổ. ( Tổ nào sưu tầm được nhiều đồ vật, tranh ảnh nhất sẽ được phần thưởng của GV).

**Tuần 6**

**Tiết PPCT: 4**

**Phân môn: Hình học**

# BÀI 2: : HÌNH CHỮ NHẬT. HÌNH THOI. HÌNH BÌNH HÀNH. HÌNH THANG CÂN

# ( TIẾT 1 )

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận dạng các hình trong bài.

- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành và hình thang cân bằng các dụng cụ học tập.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt

+ Nghiên cứu kĩ bài học và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp.

+ Chuẩn bị một số vật liệu phục vụ hoạt động trải nghiệm: dụng cụ cắt ghép, giấy A4, kéo cắt giấy, tranh ảnh trong bài,..

+ Sưu tầm các hình ảnh thực tế, video minh họa liên quan đến bài học, các thiết bị dạy học phục vụ hình thành và phát triển năng lực HS.

+ Giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị một số HĐ của bài học.

**2 - HS** :

+ Đồ dùng học tập: bút, bộ êke ( thước thẳng, thước đo góc, êke), compa, bút chì, tẩy...

+ Giấy A4, kéo.

+ Đồ vật, tranh ảnh về các hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

**-** GV thiết kế tình huống thực tế tạo hứng thú cho HS.

- Tạo tình huống vào bài học từ hình ảnh thực tế, ứng dụng thực tế từ các hình trong bài.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh.

**c) Sản phẩm:** HS nhận dạng được một số hình và tìm được các hình ảnh trong thực tế liên quan đến hình đó.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu slide về bức tranh, diều, tấm bìa, mái nhà rông và đặt câu hỏi: “Quan sát hình dạng của bức tranh, cái diều, tấm bìa, mái nhà rông, em có biết đó là các hình gì?

   

- GV cho lần lượt các tổ trưng bày hình ảnh, sản phẩm về hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành và hình thang cân đã giao trước đó.

- GV tổng kết số sản phẩm của các tổ và trao thưởng cho tổ chuẩn bị được nhiều đồ vật, hình ảnh về các hình nhất.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi và trình bày.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Đại diện tổ báo cáo số lượng đồ vật, hình ảnh đã sưu tầm được như GV đã giao nhiệm vụ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, khen các tổ đã hoàn thành nhiệm vụ tốt và trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang là các hình mà chúng ta thường gặp trong đời sống thực tế và đã được làm quen ở Tiểu học. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu thêm về các hình như thế, từ đó chúng ta có thể vẽ, cắt, ghép các hình để làm một số đồ dùng hoặc trang trí nơi học tập của mình.” => Bài mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hình chữ nhật**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được hình chữ nhật.

- HS mô tả được cạnh , góc, đường chéo của hình chữ nhật.

- HS nhận biết được sự bằng nhau của các góc, các cạnh , đường chéo của hình chữ nhật.

- HS vẽ được hình chữ nhật khi biết độ dài hai cạnh.

**b) Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần *Thực hành, Vận dụng.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV hướng dẫn và cho HS trao đổi thực hiện **HĐKP1.**- GV dẫn dắt và cho HS quan sát hình chữ nhật ở Hình 2 và trả lời các câu hỏi sau và rút ra nhận xét về các đặc điểm của hình chữ nhật:*+ Nêu tên các đỉnh, cạnh, đường chéo, hai cạnh đối của hình chữ nhật ABCD.**+ Dùng thước đo góc để đo và so sánh các góc của hình chữ nhật ABCD.* *+ Dùng thước thẳng hoặc compa để so sánh hai cạnh đối, hai đường chéo của hình chữ nhật ABCD.*( GV lưu ý lại cho HS cách đo góc, đo độ dài cạnh).- GV cho một, hai HS phát biểu lại về các đặc điểm của HCN như trong SGK.- GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 1.**- GV cho HS trao đổi, hoàn thành **Vận dụng 1**.- GV hướng dẫn HS cách vẽ HCN theo các bước đã hướng dẫn phần **Thực hành 2** và sau đó cho HS thực hành vẽ hình chữ nhật. (GV lưu ý HS thực hành vẽ và cho HS kiểm tra chéo sau khi vẽ):*Vẽ hình chữ nhật ABCD có AB = 4cm, AD = 3cm:**+* Vẽ đoạn thẳng AB = 4cm và đoạn thẳng AD = 3cm vuông góc với nhau.+ Qua B vẽ đường thẳng vuông góc với AB.+ Qua D vẽ đường thẳng vuông góc với AD.Hai đường thẳng này cắt nhau ở C.=> Ta được **hình chữ nhật ABCD.**- GV trình bày lên bảng hoặc trình chiếu PPT hướng dẫn HS cách vẽ hình chữ nhật trên màn chiếu theo các bước đã hướng dẫn cho HS dễ hình dung và biết cách vẽ.- GV cho HS suy nghĩ, thảo luận nhóm hoàn thành **Vận dụng 2.****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS quan sát SGK, lắng nghe, ghi chú và thực hiện hoàn thành theo yêu cầu của GV.- GV: quan sát và trợ giúp HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - HS: Hoàn thành vở, trình bày miệng, trình bày bảng.- Các HS nhận xét, bổ sung cho nhau. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các **đặc điểm của hình chữ nhật, cách vẽ hình chữ nhậ**t. | **1. Hình chữ nhật****HĐKP1:** a) Sau khi đo và so sánh ta thấy:- Các góc của hình chữ nhật ABCD bằng nhau.- Các cặp cạnh đối AB và CD, AD và BC bằng nhau.b) Ta thấy hai cặp cạnh AB và CD, BC và AD song song với nhau.c) Ta thấy hai đường chéo AD và BD bằng nhau.**=> Hình chữ nhật** ABCD ( Hình 2) có:- Bốn **đỉnh** A, B, C, D.- Hai cặp **cạnh đối diện** bằng nhau: AB = CD; BC = AD.- Hai cặp cạnh đối diện song song: AB song song với CD; BC song song với AD.- Bốn **góc** đỉnh A, B, C, D bằng nhau và bằng góc vuông.- Hai **đường chéo** bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường:AC = BD và OA = OC; OB = OD.**Thực hành 1:**Các đoạn OM, ON, OP, OO có độ dài bằng nhau.**Vận dụng 1:****Thực hành 2: Vẽ hình chữ nhật***Vẽ hình chữ nhật ABCD có AB = 4cm, AD = 3cm.*4cm3cmABCD**Vận dụng 2:**Bước 1: Ta gấp đôi 2 lần hình chữ nhật.Bước 2: Mở hình chữ nhật đã gấp ra.Bước 3: Dùng kéo cắt theo đường của các nếp gấp để thành 4 hình chữ nhật có cùng chiều dài và chiều rộng. |

**Hoạt động 2: Hình thoi**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được hình thoi.

- Mô tả được cạnh, góc, đường chéo của hình thoi và nhận xét được một số mối quan hệ của cạnh và đường chéo của hình thoi.

- Vẽ được hình thoi khi biết độ dài một cạnh.

- Tìm được các hình ảnh thực tế của hình thoi.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần *Thực hành, Vận dụng.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn và cho HS trao đổi thực hiện **HĐKP2.**- GV dẫn dắt và cho HS quan sát hình thoi ở Hình 5 và rút ra nhận xét về các đặc điểm của hình thoi.- GV chốt lại kiến thức, nêu và chỉ rõ các đặc điểm của hình thoi trên bảng để HS hiểu rõ.- GV yêu cầu một, vài HS đọc lại nội dung kiến thức như trong SGK.- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành Thực hành 3. ( GV lưu ý HS cách đặt ê ke, và dùng compa để kiểm tra).- GV hướng dẫn HS vẽ hình thoi hoàn thành Thực hành 4 theo các bước:+ Vẽ đoạn thẳng AC = 5cm.+ Lấy A và C làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 3cm, hai đường tròn này cắt nhau tại hai điểm B và D.+ Nối B với A, B với C, D với A, D với C.=> Ta được **hình thoi ABCD.**- GV thực hành trên bảng hoặc trình chiếu PPT hướng dẫn HS cách vẽ hình thoi trên màn chiếu theo các bước đã hướng dẫn cho HS dễ hình dung và biết cách vẽ.- HS áp dụng kiến thức trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành **Vận dụng 3.****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS chú ý nghe, hiểu, ghi chú và hoàn thành các yêu cầu của GV- GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** **-** HS trao đổi nhóm, giơ tay phát biểu, trình bày miệng, trình bày bảng- GV : kiểm tra, chữa và nêu kết quả. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. |  **2. Hình thoi****HĐKP2:**a) Các cạnh AB, BC, CD, DA của hình thoi đều bằng nhau.b) Các cặp cạnh AB và CD, BC và AD song song nhau.c) Dùng êke kiểm tra ta thấy hai đường chéo AC và BD vuông góc với nhau.**Hình thoi** ABCD ( Hình 5) có:- Bốn **đỉnh** A, B, C, D.- Bốn **cạnh** bằng nahu: AB = BC = CD = DA.- Hai cặp **cạnh đối diện** song song: AB song song với CD; BC song song với AD.- Hai **đường chéo** AC và BD vuông góc với nhau.**Thực hành 3:**- Hai đường chéo LJ, IK vuông góc với nhau.-  Hai đường chéo LJ, IK cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.**Thực hành 4:****Vận dụng 3:***Vẽ hình thoi MNPQ cạnh MN = 4cm:*- Giả sử vẽ đường chéo MP = 6 cm ( MP > 4cm).- Lấy M, P làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 4cm, hai đường tròn này cắt nhau tại hai điểm N và Q.- Nối N với M, N với P, Q với M, Q với P.=> Ta được **hình thoi MNPQ** cần vẽ |

**Tuần 6**

**Tiết PPCT: 19, 20**

**Phân môn: Số & Đại số**

**BÀI 13: BỘI CHUNG, BỘI CHUNG NHỎ NHẤT**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được các khái niệm về bội chung, bội chung nhỏ nhất, ứng dụng của bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Tìm được tập hợp các bội chung của hai hoặc ba số và chỉ ra được BCNN của các số đó.

+ Tìm được BCNN của hai hoặc ba số.

+ Tìm được tập hợp bội chung của hai hoặc ba số thông qua tìm BCNN.

+ Vận dụng được khái niệm và cách tìm BCNN của hai hoặc ba số trong quy đồng mẫu số các phân số và giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, giáo án.

**2 - HS** : SGK; Đồ dùng học tập; Ôn tập khái niệm về ước đã học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

+ Gợi mở đến nội dung cần học về bội chung và bội chung nhỏ nhất.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

 **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV đặt vấn đề thông qua phần khởi động trong SGK: “Có cách nào tìm được mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số không? Ví dụ : Tìm mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số sau: $\frac{3}{14}$ và $\frac{5}{28}$.”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS đọc, suy nghĩ, thảo luận nhóm và suy đoán, giải thích.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới : Để giúp chúng ta giải được bài toán nhanh nhất, ngoài cách làm của các bạn, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Bội chung.**

**a) Mục tiêu:**

+ Củng cố cách tìm bội của một số tự nhiên.

+ Hình thành khái niệm bội chung và thấy được ý nghĩa của việc tìm BC.

+ Biết cách tìm bội chung của hai số a; b và mở rộng cho 3 số.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV cho HS đọc, tìm hiểu **HĐKP1,** hướng dẫn và yêu cầu HS trao đổi nhóm hoàn thành.- GV phân tích rút ra kiến thức và cho HS đọc hiểu khái niệm, kí hiệu về BC.- GV phân tích và cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1*.- GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Thực hành 1**.- GV dẫn dắt, cho một vài HS phát biểu **Cách tìm bội chung của hai số a và b.**- GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 2 để hiểu và rõ cách trình bày.- GV yêu cầu HS hoàn thành **Thực hành 2.****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.- GV: quan sát và trợ giúp HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **1. Bội chung.****HĐKP1:**a) Dựa vào hình ta thấy, sau 12 giây thì hai dây đèn cùng phát sáng lần tiếp theo kể từ lần đầu tiên.b) B(2) = {0; 2; 4; 6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26;…}    B(3) = {0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39…}Vậy: Hai tập hợp này có một số phần tử chung như: 6; 12; 18;…- **Bội chung** của hai hay nhiều số là bội của tất cả các số đó.KH: BC(a,b); BC (a, b, c).**Thực hành 1:**a) ĐúngVì: B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24;…}B(10) = {0; 10; 20; 30; 40; 50;…}=> 20 ∈ BC(4, 10).b) SaiVì: B(14) = {0; 14; 28; 42; 56;…}B(18) = {0; 18; 36; 54;…} => 36 ∉ BC(14, 18).c) ĐúngVì: B(12) = {0; 12; 24; 36; 48; 60; 72; 84;…}B(18) = {0; 18; 36; 54; 72; 90;…}B(36) = {0; 36; 72; 108;…}Nên 72 ∈ BC(12, 18, 36).**\* Cách tìm bội chung của hai số a và b:**- Viết tập hợp B(a) và B(b).- Tìm những phần tử chung của B(a) và B(b).**Thực hành 2:**a) B(3) = {0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39; 42; 45; 48; 51…}    B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 38; 32; 36; 40; 44; 48; 52…}    B(8) = {0; 8; 16; 24; 32; 40; 48; 56; 64; 72; 80;…}b) M = {0; 12; 24; 36; 48}c) K = {0; 24; 48} |

**Hoạt động 2: Bội chung nhỏ nhất**

**a) Mục tiêu:**

+ Hình thành khái niệm BCNN và thấy được ý nghĩa của việc tìm BCNN.

+ Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa BCNN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

+ Biết cách tìm BCNN thông qua sự phân tích ra thừa số nguyên tố.

+ Biết cách tìm BC thông qua tìm BCNN.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV dẫn dắt, cho HS đọc, tìm hiểu đề bài **HĐKP2.**- GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **HĐKP2.**- GV dẫn dắt, hướng dẫn HS rút ra khái niệm.- GV cho 1 vài HS đọc hiểu khái niệm và kí hiệu trong SGK.- GV lưu ý cho HS Nhận xét trong SGK.- GV phân tích, cho HS đọc hiểu *Ví dụ 3*.- GV cho HS đọc hiểu Ví dụ 4.- GV phân tích, hướng dẫn HS cách làm và cho HS tự giải lại Ví dụ 4 vào vở.- GV yêu cầu HS vận dụng khái niệm hoàn thành **Thực hành 3**.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.+ GV: quan sát và trợ giúp HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận, phát biểu, trình bày bảng, nhận xét và bổ sung cho nhau.**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Khái niệm BCNN; Cách tìm bội chung từ BCNN.** | **2. Bội chung nhỏ nhất.****HĐKP2:**- Ta có: B(6) = {0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48…}             B(8) = {0; 8; 16; 24; 32; 40; 48;…}=> BC(6, 8) = {0; 24; 48…}  Vậy số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp BC(6, 8) là 24*- Nhận xét:* Số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp bội chung của hai số 6, 8 là bội chung nhỏ nhất của 6, 8.- Ta có: B(3) = {0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39…}             B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 38; 32; 36; 40; 44; 48; 52…}             B(8) = {0; 8; 16; 24; 32; 40; 48;…}=> BC(3, 4, 8) = {0; 24; 48;…}  Vậy số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp BC(2, 4, 8) là 24.*- Nhận xét:* Số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp bội chung của ba số 2, 4, 8 là bội chung nhỏ nhất của 2, 4, 8.*- Khái niệm:* **Bội chung nhỏ nhất** của hai hay nhiều số là số bé nhất trong tập hợp các bội chung của các số đó.Kí hiệu: BCNN (a, b); BCNN (a, b, c)*- Nhận xét:* Tất cả các bội chung của a và b đều là bội của BCNN(a, b). Mọi số tự nhiên đều là bội của 1.Do đó, mọi a, b $ϵ$ N\* ta có:BCNN ( a, 1) = a; BCNN(a, b, 1) = BCNN(a, b).*Ví dụ 4:*Gọi: Số HS của lớp đó là: x ( học sinh, x $\in $ N\*, x $\leq $ 42)Theo đề bài => x $\in $ BC ( 4, 6) = {0; 12; 24; 36; 48;...}Vì x $\leq $ 42 và x : 5 dư 1 => x = 36Vậy lớp đó có 36 học sinh**Thực hành 3:** B(4) = {0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32;…}B(7) = {0; 7; 14; 21; 28; 35;…}=> BCNN(4, 7) = 28- Ta có: BCNN(4, 7) = 4 . 7 => Hai số 4 và 7 là hai số nguyên tố cùng nhau. |

**Hoạt động 3: Tìm bội chung nhỏ nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.**

**a) Mục tiêu:**

+ Gợi cho HS biết mối liên hệ giữa BCNN của hai số a, b và các thừa số nguyên tố chung (nếu có) của chúng.

+ Củng cố cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

+ Biết cách tìm BCNN thông qua sự phân tích ra thừa số nguyên tố.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập ví dụ và thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV cho HS đọc quy tắc trong SGK.- GV lấy VD, thuyết trình giảng, hướng dẫn cho HS: Tìm BCNN ( 12, 90, 150) B1: Phân tích các số 12, 90 và 150 ra thừa số nguyên tố, ta được:12 = 22 . 390 = 2. 32150 = 2. 3. 52B2: Các thừa số nguyên tố chung và riêng là: 2, 3 và 5B3: Lập tích các thừa số chung và riêng đã chọn với số mũ lớn nhất của nó: 22. 32. 52.Vậy BCNN ( 12, 90, 150) = 22. 32. 52 = 900.- GV cho 1 vài HS rút đọc lại quy tắc tìm BCNN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố và nhấn mạnh lại để HS nhớ được các bước làm.- GV yêu cầu HS đọc hiểu *Ví dụ 5* và cho HS tự lại để nắm được cách làm và cách trình bày.- GV kiểm tra độ hiểu bài của HS bằng cách tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi hoàn thành **Thực hành 4.**- GV lưu ý cho HS phần Chú ý và cho HS ghi vở.- Gv yêu cầu HS vận dụng kiến thức hoàn thành **Thực hành 5****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.+ GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Cách tìm BCNN bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố.** | **3. Cách tìm bội chung nhỏ nhất.****\* Quy tắc:**B1: Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố;B2: Chọn ra các **thừa số nguyên tố chung và riêng;**B3: Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với **số mũ lớn nhất của nó**. Tích đó là BCNN phải tìm.*Ví dụ 5:* Tìm BCNN của 12, 90 và 150.12 = 22 . 390 = 2. 32150 = 2. 3. 52=> BCNN ( 12, 90, 150) = 22. 32. 52 = 900.**Thực hành 4:**+ Tìm BCNN(24, 30) 24 = 2 . 2 . 2 . 3 = 23 . 3 30 = 2 . 3 . 5 = 2 . 3 . 5=> BCNN(24, 30) = 22. 3. 5 = 120+ Tìm BCNN (3, 7, 8) 3 = 3 7 = 7 8 = 23=> Tìm BCNN (3, 7, 8) = 23. 3. 7 = 168 + Tìm BCNN(12, 16, 48)12 = 22. 316 = 2448 = 24.3=> BCNN(12, 16, 48) = 24.3 = 48Chú ý: - Nếu các số đã cho từng đôi một nguyên tố cùng nhau thì BCNN của chúng là tích của các số đó. VD: BCNN(3, 7, 8) = 3. 7. 8 = 168.- Trong các số đã cho, nếu số lớn nhất là bội của các số còn lại thì BCNN của các số đã cho chính là số lớn nhất ấy. Ví dụ: BCNN(12, 16, 48) = 48**Thực hành 5:**BCNN (2, 5, 9) = 2.5.9 = 90BCNN (10, 15, 30) = 30 |

**Hoạt động 4: Ứng dụng trong quy đồng mẫu các phân số**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dunng cách tìm BCNN để quy đồng mẫu hai phân số.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV cho HS đọc quy tắc trong SGK và trả lời câu hỏi:*Muốn quy đồng mẫu số nhiều phân số ta làm như thế nào?*- GV chốt kiến thức, gọi 1 vài em phát biểu lại Quy tắc trong SGK.- GV nêu Ví dụ, phân tích cụ thể cho HS dễ hình dung hơn, sau đó cho HS tự lấy ví dụ và thực hiện quy dồng.- GV yêu cầu HS vận dụng quy tắc hoàn thành **Thực hành 6**.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.- GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: **Cách quy đồng mẫu số nhiều phân số.** | **4. Ứng dụng trong quy đồng mẫu các phân số.**Muốn quy đồng mẫu số nhiều phân số ta có thể làm như sau:B1: Tìm một bội chung của các mẫu số ( thường là BCNN) để làm mẫu số chung.B2: Tìm thừa số phụ của mỗi mẫu số ( bằng cách chia mãu số chung cho từng mẫu số riêng).B3: Nhân tử số và mẫu số của mỗi phân số với thừa số phụ tương ứng.**Thực hành 6:**1) Quy đồng mẫu các phân số sau:a) Có BCNN (12, 30) = 60 $\frac{5}{12}$ $=\frac{5.5}{12.5}=\frac{25}{60}$ $\frac{7}{30}$ $=\frac{7.2}{30.2}=\frac{14}{60}$b) Có BCNN ( 2, 5, 8) = 40$\frac{1}{2}$ $=\frac{1.20}{2.20}=\frac{20}{40}$ $\frac{3}{5}$ $=\frac{3.8}{5.8}=\frac{24}{40}$$\frac{5}{8}$ $=\frac{5.5}{8.5}=\frac{25}{40}$2) Thực hiện các phép tính sau:a) Có: BCNN (6, 8) = 24 $\frac{1}{6}+\frac{5}{8}=\frac{1.4}{6.4}+\frac{5.3}{8.3}= \frac{4}{24}+\frac{15}{24}=\frac{19}{24}$b) Có: BCNN(24, 30) = 120$$\frac{11}{24}-\frac{7}{30}=\frac{11.5}{24.5}+\frac{7.4}{30.4}= \frac{55}{120}+\frac{28}{120}=\frac{83}{120} $$ |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:*  **1 + 2+ 4 –** (tr43-44 - SGK ).

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.*

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**Bài 1 :**

a) Ta có:

6 = 2.3

14 = 2.7

 => BCNN(6, 14) = 42

=> BC(6, 14) = {0; 42; 84; 126;…}.

b) Ta có:

6 = 2.3

20 = 22.5

30 = 2. 3. 5

 BCNN(6, 20, 30) = 60

=> BC(6, 20, 30) = {0; 60; 120; 180; 240;…}.

c) Vì hai số 1 và 6 là hai số nguyên tố cùng nhau

=> BCNN(1, 6) = 6.

d) Ta có: 10 = 2 . 5

                12 = 22 . 3

=> BCNN(10, 1, 12) = 22 . 3 . 5 = 60.

e) Vì hai số 7 và 14 là hai số nguyên tố cùng nhau

=> BCNN(5, 14) = 5 . 14 = 70

**Bài 2 :**

**a)** A = {0; 48; 96; 144; 192;…}

*- Nhận xét*: Tập hợp BC(12, 16) chính là tập hợp A.

**b)**

**i.** 24 = 23 . 3

  36 = 22 . 32

=> BCNN(24, 36) = 23 . 32 = 72

=> BC(24, 36) = B(72) = {0; 72; 144; 216;…}.

**ii.** 42 = 2 . 3 . 7

    60 = 22 . 3 . 5

=> BCNN(42, 60) = 420

=> BC(42, 60) = B(420) = {0; 420; 840; 1260;…}.

**iii.** 60 = 22 . 3 . 5

    150 = 2 . 3 . 52

=> BCNN(60, 150) = 22 . 3 . 52 = 300

=> BC(60, 150) = B(300) = {0; 300; 600; 900; 1200;…}.

iv. 28 = 22 . 7

     35 = 5 . 7

=> BCNN(28, 35) = 22 . 5 . 7 = 140

=> BC(28, 35) = B(140) = {0; 140; 280; 420; 560;…}.

**Bài 4:**

a) Có: BCNN (15, 10) = 30

 $\frac{11}{15}+\frac{9}{10}=\frac{11.2}{15.2}+\frac{9.3}{10.3}= \frac{22}{30}+\frac{27}{30}=\frac{49}{30}$

b) Có: BCNN (6, 9, 12) = 36

 $\frac{5}{6}+\frac{7}{9}+\frac{11}{12}=\frac{5.6}{6.6}+\frac{7.4}{9.4}+\frac{11.3}{12.3}= \frac{30}{36}+\frac{28}{36}+\frac{33}{36}=\frac{91}{36}$

c) Có: BCNN (24, 21) = 168

 $\frac{7}{24}-\frac{2}{21}=\frac{7.7}{24.7}-\frac{2.8}{21.8}= \frac{49}{168}-\frac{16}{168}=\frac{33}{168}=\frac{11}{56}$

d) Có: BCNN (36, 24) = 72

 $\frac{11}{36}-\frac{7}{24}=\frac{11.2}{36.2}-\frac{7.3}{24.3}= \frac{22}{72}-\frac{21}{72}=\frac{1}{72}$

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 5**

**Bài 5 :**

Gọi Số bông sen chị Hòa có là: x ( bông, x $\in $ N\*, 200$\leq $ x $\leq $ 300)

Theo bài ra => x $\in $ BC ( 3, 5, 7)

Ta có: 3 = 3

           5 = 5

           7 = 7

=> BCNN(3, 5, 7) = 3 .5. 7 = 105

=> x $\in $BC( 3, 5, 7) = { 0; 105; 210; 315; …}

Mà 200$\leq $ x $\leq $ 300 => x = 210

Vậy số bông sen chị Hòa có 210 bông.

*- GV cho HS đọc và tìm hiểu thềm phần «***Em có biết***» - SGK – tr44*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:+ Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.+ Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.+ Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:+ GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..+ GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.- Hệ thống câu hỏi và bài tập- Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Đọc và ghi nhớ nội dung chính của bài.

- Vận dụng kiến thức làm bài tập  **6 + 7 + 8 (SBT- tr35, 36)**

- Đọc và tìm hiểu trước bài sau: “**Hoạt động thực hành và trải nghiệm”:**

+ Ôn lại nội dung kiến thức về ước, ước chung, ước chung lớn nhất và phép chia hai số tự nhiên.

+Mỗi HS chuẩn bị 1 HCN có chiều dài 28 cm, chiểu rộng 16cm; thước kẻ, bút chì màu.

***Xã Hồ Thị Kỷ,* ngày ….. tháng …. năm 2022**

**Ký duyệt của Tổ Trưởng**

**Tuần 5, 6**

**Hồ Xuân Vũ**

***Xã Hồ Thị Kỷ*, ngày ….. tháng ……. năm 2022**

**Ký duyệt của PHT**

**Tuần 5, 6**

**Lê Thanh Thoại**